

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/01/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Lữ Quốc Toàn
 2. Bà Trần Thị Kim Tân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Xuân Lộc: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 541/2020/TLST–HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 10/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2021/QĐST – HNGĐ ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M - Sinh năm 1985
Địa chỉ: 3523, ấp HB, xã BH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Anh Trịnh Kim H - Sinh năm 1983
Địa chỉ: 3523, ấp HB, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
(Chị M, anh H đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Vào năm 2007 chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Hòa, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc, luôn nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống mà không thể dung hòa, hàn gắn được. Anh H không phụ giúp chị nuôi con. Mặc dầu đã được hai bên gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng sự việc không tiến triển. Từ tháng 5/2020 vợ chồng đã ly thân, chị đã dẫn theo hai con về nhà cha mẹ ruột ở. Nhận thấy tình cảm không còn, không có sự tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị xin ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung: Trịnh Gia H1 – sinh ngày 14/6/2008, Trịnh Minh T – sinh ngày 30/01/2012. Chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

* Bị đơn anh Trịnh Minh H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và HĐXX tuân thủ đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án còn tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và bàn giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu xét xử chậm.

- Về nội dung vụ án: cho chị M, anh H được ly hôn; giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng; tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung theo chị M không có và anh H cũng không có lời khai nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với anh Trịnh Kim H. Anh H hiện đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại xã Bảo Hòa. Như vậy, đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn, con chung” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị M là nguyên đơn, anh H là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh H là phù hợp.

[4] Về điều luật áp dụng: chị M, anh H lập gia đình với nhau năm 2007 là thời điểm Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực nên áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết cho chị M – anh H là phù hợp.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị M xác định giữa chị và anh H chung sống không được hạnh phúc do bất đồng về quan điểm, lối sống, anh H không phụ giúp chị nuôi con, gia đình đôi bên đã hòa giải cho anh chị nhưng sự việc không tiến triển nên anh chị đã ly thân vào tháng 5/2020. Tuy anh H không có lời khai nhưng qua làm việc với chính quyền xã Bảo Hòa đã xác định được chị M và anh H có mâu thuẫn với nhau về vấn đề kinh tế, anh chị ly thân nhau đã lâu nhưng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị M ly hôn, anh H đều biết, nhưng do anh H theo đạo Thiên chúa nên anh H không chịu ra Tòa án làm việc. Như vậy mâu thuẫn giữa hai anh chị là có thật và cũng đã đến mức trầm trọng. Anh H được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến, chứng tỏ anh cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Do đó, xét thấy cần thiết cho chị M được ly hôn với anh H là phù hợp.

[6] Về con chung: 02 cháu Trịnh Gia H1 – sinh ngày 14/6/2008, Trịnh Minh T – sinh ngày 30/01/2012 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị M cũng có nguyện vọng được nuôi con. Anh H không hợp tác, nên cần thiết giao 02 cháu cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng: do chị M không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: theo chị M khai là không có và cũng không có ai yêu cầu nên không xét.

[9] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[10] Xét ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên.
- Về nội dung vụ án: xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 131 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ các điều 56, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật HNGĐ năm 2000;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Trịnh Kim H.

2. Về con chung: giao cháu Trịnh Gia H1 – sinh ngày 14/6/2008 và cháu Trịnh Minh T – sinh ngày 30/01/2012 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết, chị M và anh H được quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo chị M khai không có và cũng không có ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị M nộp 300.000 đồng án phí LHST. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp tại biên lai số 0004153 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai thành án phí. Chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Xuân Lộc;
- Chi cục THADS H. Xuân Lộc;
- UBND xã Bảo Hòa (91/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tùng

